

Bản án số: 92/2019/HS-PT

Ngày: 27-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 954/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị K do có kháng cáo của những người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

****. Bị cáo bị kháng cáo:***

Nguyễn Thị K, sinh 1960; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nữ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Đinh Thị C; có chồng: Thân Văn X và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 24/02/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

- Người bào chữa: Bà Bùi Thị T, là Luật sư của Văn phòng H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

****. Bị hại có kháng cáo:***

1. Ông Thân Văn Q - sinh năm 1959.

ĐKHKTT: thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú tại: Thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q: Ông Lê Văn T, Luật sư Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Thân Văn T - sinh năm 1960.
3. Bà Thân Thị X - sinh năm 1960.
4. Ông Thân Trọng B - sinh năm 1956.
5. Ông Thân Ngọc T - sinh năm 1960.
6. Ông Hoàng Văn T - sinh năm 1957.
7. Bà Đỗ Thị Đ - sinh năm 1959.
8. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1939.
9. Bà Thân Thị D - sinh năm 1964.
- Đều trú tại: thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
10. Bà Vũ Thị T - sinh năm 1962.
11. Bà Nguyễn Thị Hồng N - sinh năm 1980.
12. Ông Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1973.
13. Ông Dương Văn T – sinh năm 1956.
14. Bà Nguyễn Thị Bích T - sinh năm 1961.
15. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1954.
16. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1960.
17. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1960.
18. Ông Đỗ Văn H - sinh năm 1975.
19. Bà Vũ Thị L - sinh năm 1951.
20. Bà Hoàng Thị Đ - sinh năm 1974.
21. Ông Trần Đình D - sinh năm 1972.
22. Ông Phạm Thanh S - sinh năm 1966.
- Đều trú tại: thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
23. Ông Trần Việt N - sinh năm 1975.
- Địa chỉ: Đường N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
24. Bà Hoàng Thị L- sinh năm 1946.
25. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1975.
26. Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1974.
- Đều trú tại: thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
27. Ông Trần Văn T - sinh năm 1966.
- Địa chỉ: đường N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
28. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1968.
- Địa chỉ: đường N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
29. Ông Vũ Văn T - sinh năm 1974.
- ĐKKHKT: Thôn N, Xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*
- Tạm trú tại: thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.*

30. Ông Đặng Văn C do bà Thân Thị T đại diện - sinh năm 1955.

31. Bà Thân Thị N - sinh năm 1962.

32. Bà Thân Thị L - sinh năm 1964.

Đều trú tại: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

33. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

34. Anh Thân Chí M - sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Thân Văn X - sinh năm 1957.)

2. Anh Thân Văn T - sinh năm 1980.

Đều trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Trong vụ án này còn có những người bị hại khác không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị K, sinh năm 1960 trú tại thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang có chồng là Thân Văn X, sinh năm 1957. Tháng 3/2016, K cùng chồng chuyển đến ở và đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Từ năm 2000 đến năm 2008, K có vay và góp tiền mua 06 xe ô tô tải và 02 xe máy xúc để kinh doanh chở vật liệu dựng, san lấp mặt bằng. Do kinh doanh thua lỗ nên từ năm 2009 đến tháng 11/2014, K đã dùng thủ đoạn vay tiền hứa trả lãi cao, đưa ra những thông tin không đúng sự thật như đặt vấn đề vay tiền để góp cổ phần vào nhà máy gạch, mua bán gạch, đầu tư vào công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư, đáo hạn ngân hàng, đầu tư cho con trai là Thân Văn T công tác tại Trại giam N - Bộ Công an để kinh doanh; khi vay tiền K nói với những người cho vay không nói cho người khác biết việc K vay mượn tiền để giữ uy tín cho K làm ăn. Từ đó có nhiều người tin tưởng cho K vay tiền và bị K chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn nêu trên K đã chiếm đoạt của 37 người trên địa bàn huyện V, tỉnh Bắc Giang với tổng số tiền là 17.340.557.700 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Thân Văn Q, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 1.876.000.000 đồng; 27.200 USD tương đương 539.204.700 đồng và 02 vạn gạch lỗ tương đương 16.588.000 đồng. Tổng cộng 2.431.792.700 đồng.

Từ ngày 05/11/2009 âm lịch đến ngày 14/5/2014 vợ chồng ông Q 22 lần cho Nguyễn Thị K vay với tổng số tiền là 2.431.792.700 đồng. Theo ông Q khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào nhà máy gạch, đầu tư cho anh trai là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang làm các công trình thủy lợi. Trong những lần vay tiền nêu trên, ông X 9 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Cuối tháng 10/2014, ông Q nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 30/3/2015, ông Q làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 22 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/6/2016, Thân Văn T là con trai của K đã trả cho ông Q 10.000.000 đồng. Ông Q yêu cầu K và ông X bồi thường 1.866.000.000 đồng, 27.200 USD tương đương 618.800.000 đồng và 2 vạn gạch lỗ tương đương 17.000.000 đồng. Tổng cộng 2.501.800.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của bà Thân Thị N, sinh năm 1965, trú tại thôn N, xã M, huyện V số tiền 346.000.000 đồng.

Từ ngày 10/12/2010 đến ngày 21/02/2013 âm lịch, K đã 15 lần vay của bà N tổng số 346.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền trên K đều viết, ký vào giấy biên nhận. Theo bà N khai khi vay tiền thì K nói nếu có tiền thì cho K vay lấy lãi.

Tháng 11/2014, bà N nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Bà N làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 15 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả cho bà N 2.000.000 đồng. Bà N yêu cầu K bồi thường 344.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của bà Thân Thị H - sinh năm 1967, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 08/7/2011 âm lịch, K vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, 5 tháng lấy lãi một lần. K viết, ký vào giấy biên nhận giao bà Hải giữ. Theo bà Hải khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần xí nghiệp gạch.

Tháng 11/2014, bà H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 28/3/2015, bà H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả bà H 2.000.000 đồng. Bà H yêu cầu K bồi thường 18.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Thân Văn T, sinh năm 1960 và bà Thân Thị X, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 210.000.000 đồng và 44 chỉ vàng tương đương 167.415.000 đồng. Tổng cộng 377.415.000 đồng.

Từ ngày 03/11/2011 đến ngày 23/9/2014 âm lịch, K đã 7 lần vay của vợ chồng ông T tổng số tiền là 377.190.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền trên K đều viết, ký vào giấy biên nhận. Theo vợ chồng ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để góp cổ phần vào nhà máy gạch, đầu tư cho anh trai làm các công trình thủy lợi tại huyện L và huyện L.

Tháng 12/2014, vợ chồng ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 28/3/2015, vợ chồng ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 07 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả ông T 5.000.000 đồng. Ông T yêu cầu K bồi thường 205.000.000 đồng và 44 chỉ vàng tương đương 136.400.000 đồng. Tổng cộng 341.400.000 đồng.

5. Chiếm đoạt của bà Nhâm Thị T, sinh năm 1955, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 195.000.000 đồng.

Từ ngày 21/7/2012 đến ngày 20/6/2014 âm lịch, K đã 2 lần vay của bà T tổng số 195.000.000 đồng. Theo bà T khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư mua gạch hạ giá và đầu tư vào công ty của người nhà; sau khi nhận tiền, viết, ký vào biên nhận thì K gọi ông X vào ký rồi giao cho bà T giữ.

Tháng 11/2014, bà T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 23/3/2015, bà T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 giấy biên nhận. Bà T yêu cầu K và ông X bồi thường 195.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Hoàng Thị L, sinh năm 1946 và ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1939, trú tại đường N, thị trấn B, huyện V số tiền 167.000.000 đồng.

Từ ngày 04/8/2012 đến ngày 13/10/2014 âm lịch, K đã 5 lần vay của vợ chồng bà L tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Theo vợ chồng bà L khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư mua bán gạch và đầu tư vào công ty thủy lợi.

Tháng 01/2015, vợ chồng bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 25/01/2015, vợ chồng bà L làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 5 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/12/2014 ông X đã trả cho bà L 3.000.000 đồng. Vợ chồng bà L yêu cầu K và ông X bồi thường 167.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 665.000.000 đồng.

Từ ngày 25/8/2012 đến ngày 07/10/2014 âm lịch, K đã 11 lần vay của vợ chồng bà T tổng số tiền là 665.000.000 đồng. Theo vợ chồng bà T khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư và nhà máy gạch; ông X 5 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 11/2014, vợ chồng bà T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 31/01/2015, vợ chồng bà T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 11 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà T yêu cầu K và ông X bồi thường 665.000.000 đồng.

8. Chiếm đoạt của bà Vũ Thị T, sinh năm 1962, trú tại, thị trấn B, huyện V số tiền 145.000.000 đồng.

Từ ngày 05/10/2012 âm lịch đến ngày 28/02/2014, K đã 4 lần vay của bà T tổng số tiền là 145.000.000 đồng. Theo bà T khai khi vay tiền K nói nhiều lý do khác nhau; sau khi nhận tiền, viết, ký vào biên nhận thì K gọi ông X vào ký rồi giao cho bà T giữ.

Tháng 8/2014, bà T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 10/9/2015, bà T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 3 giấy biên nhận. Bà T yêu cầu K và ông X bồi thường 145.000.000 đồng.

9. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và chị Thân Thị N, sinh năm 1980, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 700.000.000 đồng.

Từ ngày 19/10/2012 âm lịch đến ngày 15/10/2014, K đã 6 lần vay của vợ chồng anh H tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Theo vợ chồng anh H khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư và nhà máy gạch; ông X 3 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 12/2014, vợ chồng anh H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 31/01/2015, vợ chồng anh H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 6 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/10/2014, K đã trả cho anh H 100.000.000 đồng. Vợ chồng anh H yêu cầu K và ông X bồi thường 700.000.000 đồng.

10. Chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 1.123.000.000 đồng.

Từ ngày 25/11/2012 đến ngày 30/8/2014 âm lịch, K đã 10 lần vay của vợ chồng chị N tổng số tiền là 1.183.000.000 đồng. Tất cả các lần trên thì K là người hỏi vay, nhận tiền, viết và ký vào giấy biên nhận giao vợ chồng chị N giữ. Theo vợ chồng chị N khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào công trình dựng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là chủ đầu tư.

Tháng 9/2014, vợ chồng chị N nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Vợ chồng chị N làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 9 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/5/2014, K đã trả vợ chồng chị N 60.000.000 đồng. Vợ chồng chị N yêu cầu K bồi thường 1.123.000.000 đồng.

11. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Thân Trọng B, sinh năm 1956 và bà Thân Thị T, sinh năm 1957; chị Thân Thị N, sinh năm 1975 (là con gái ông B), trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 1.101.000.000 đồng và 20 chỉ vàng tương đương 72.000.000 đồng. Tổng cộng 1.173.000.000 đồng.

Từ 28/12/2012 đến ngày 25/9/2014 âm lịch, K đã 10 lần vay của vợ chồng ông B, chị N tổng số tiền là 1.173.000.000 đồng. Tất cả các lần trên K là người hỏi vay, nhận tiền, viết và ký vào giấy biên nhận giao vợ chồng ông B giữ. Theo

vợ chồng ông B khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần vào nhà máy gạch, công trình thủy lợi do anh trai làm giám đốc.

Tháng 12/2014, vợ chồng ông B nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 29/3/2015, vợ chồng ông B làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 9 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả vợ chồng ông B 10.000.000 đồng. Vợ chồng ông B, chị N yêu cầu K và ông X bồi thường 1.091.000.000 đồng và 20 chỉ vàng tương đương 62.000.000 đồng. Tổng cộng 1.153.000.000 đồng.

12. Chiếm đoạt của bà Thân Thị H, sinh năm 1959, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 30.000.000 đồng.

Theo bà H khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần vào nhà máy gạch. Tháng 11/2014, bà H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 28/3/2015, bà H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả cho bà H 2.000.000 đồng, ông X trả bà H 1.000.000 đồng. Bà H yêu cầu K bồi thường 27.000.000 đồng.

13. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Dương Văn T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1961 trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 150.000.000 đồng.

Theo vợ chồng ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch; sau khi nhận tiền, viết, ký vào biên nhận thì K gọi ông X vào ký rồi giao cho vợ chồng ông T giữ. Tháng 11/2014, vợ chồng ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 10/9/2015, vợ chồng ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông T yêu cầu K và ông X bồi thường 150.000.000 đồng.

14. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Thân Thị L, sinh năm 1964 và ông Phạm Văn H - sinh năm 1962, trú tại thôn L, xã N, huyện V số tiền 725.000.000 đồng.

Từ ngày 19/5/2013 âm lịch đến ngày 01/11/2014, K đã 7 lần vay của vợ chồng bà L tổng số tiền là 725.000.000 đồng. Tất cả các lần trên thì K là người hỏi vay, nhận tiền, viết, ký vào giấy biên nhận. Theo vợ chồng bà L khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần vào nhà máy gạch, góp vốn làm ăn cùng anh trai.

Tháng 12/2014, vợ chồng bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 28/3/2015, vợ chồng bà L làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 7 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: K đã 2 lần trả tiền gốc cho vợ chồng bà L tổng số 85.000.000 đồng (Ngày 09/8/2014 trả 60.000.000 đồng và ngày 05/11/2014 trả

25.000.000 đồng). Đến tháng 6/2016, Thân Văn T trả bà L 5.000.000 đồng. Bà L yêu cầu K bồi thường 720.000.000 đồng.

15. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968, trú tại thôn H, xã M, huyện V số tiền 100.000.000 đồng.

Theo ông K khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào các công ty là bên B dựng công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là chủ đầu tư.

Tháng 10/2014, ông K nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 30/3/2015, ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả ông K 2.000.000 đồng. Ông K yêu cầu K và ông X bồi thường 98.000.000 đồng.

16. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và bà Thân Thị H, sinh năm 1967, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 220.000.000 đồng.

Từ ngày 31/8/2013 đến ngày 28/02/2014, K đã 4 lần vay của vợ chồng ông T tổng số tiền là 220.000.000 đồng. K là người hỏi vay, nhận tiền, giao giấy biên nhận có chữ ký của K và ông X cho vợ chồng ông T giữ. Theo vợ chồng ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư kinh doanh gạch dựng; ông X 2 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 11/2014, vợ chồng ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 02/3/2015, vợ chồng ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 4 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông T yêu cầu K và ông X bồi thường 220.000.000 đồng.

17. Chiếm đoạt của ông Thân Ngọc T, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 80.000.000 đồng.

Từ 14/12/2013 đến ngày 15/8/2014 âm lịch, K đã 2 lần vay của ông T tổng số 80.000.000 đồng. K là người hỏi vay, nhận tiền, viết, ký vào giấy biên nhận giao ông T giữ. Theo ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần vào nhà máy gạch.

Tháng 01/2015, ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 29/3/2015, ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận nêu trên. Ông T yêu cầu K bồi thường 80.000.000 đồng.

18. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 và ông Thân Bá Q, sinh năm 1949, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 90.000.000 đồng.

Từ ngày 18/10/2013 đến ngày 21/4/2014 âm lịch, K đã 2 lần vay của vợ chồng bà L tổng số 90.000.000 đồng. Cả 2 lần trên thì K là người hỏi vay, nhận tiền, giao giấy biên nhận có chữ ký của K và ông X cho vợ chồng bà L giữ. Theo vợ chồng bà L khai khi vay tiền K nói mục đích để mua bán gạch.

Tháng 11/2014, vợ chồng bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khát lần không trả. Ngày 23/3/2015, vợ chồng bà L làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà L yêu cầu K và ông X bồi thường 90.000.000 đồng.

19. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 và ông Thân Thanh Q, sinh năm 1957, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 1.060.000.000 đồng.

Từ ngày 23/12/2013 đến ngày 11/10/2014 âm lịch, K đã 9 lần vay của vợ chồng bà T tổng số tiền là 1.060.000.000 đồng. Theo vợ chồng bà T khai khi vay tiền K nói anh trai làm giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang nhận một số công trình thủy lợi nên cần vốn gấp; ông X 1 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 01/2015, vợ chồng bà T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khát lần không trả. Ngày 03/4/2015, vợ chồng bà T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 8 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả bà T 5.000.000 đồng. Vợ chồng bà T yêu cầu K và ông X bồi thường 1.055.000.000 đồng.

20. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 50.000.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 19/10/2014, K đã 2 lần vay của bà H tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Cả 2 lần trên thì K là người hỏi vay, nhận tiền, viết, ký vào giấy biên nhận. Theo bà H khai khi vay tiền K nói mục đích để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch.

Tháng 01/2015, bà H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khát lần không trả. Ngày 23/3/2015, bà H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận nêu trên. Bà H yêu cầu K bồi thường 50.000.000 đồng.

21. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 370.000.000 đồng.

Theo bà N khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào công ty dựng công trình do Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư. Tháng 12/2014, bà N nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 09/10/2015 bà N làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà N yêu cầu K bồi thường 370.000.000 đồng.

22. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần Viết N, sinh năm 1972 và bà Thân Thị L, sinh năm 1982, trú tại đường N, khu 2, thị trấn B, huyện V số tiền 1.200.000.000 đồng.

Từ ngày 17/02/2014 đến ngày 11/8/2014, K đã 6 lần vay của vợ chồng ông N tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Theo vợ chồng ông N khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào các công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư; ông X 4 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 9/2014, vợ chồng ông N nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 14/01/2015, vợ chồng ông N làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 6 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông N yêu cầu K và ông X bồi thường 1.200.000.000 đồng.

23. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Đỗ Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 1.195.000.000 đồng.

Từ ngày 15/5/2014 âm lịch đến ngày 24/11/2014, K đã 15 lần vay của vợ chồng ông H tổng số tiền là 1.195.000.000 đồng. Theo vợ chồng ông H khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư cùng các chủ thầu dựng các công trình do Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, đổi sổ ngân hàng; ông X 12 lần có mặt và ký vào biên nhận.

Tháng 12/2014, vợ chồng ông H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 27/3/2015, vợ chồng ông H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 15 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông H yêu cầu K và ông X bồi thường 1.195.000.000 đồng.

24. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Hoàng Văn T, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1959 trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 80.000.000 đồng.

Theo vợ chồng ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư góp cổ phần vào nhà máy gạch. Tháng 11/2014, vợ chồng ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 29/3/2015, vợ chồng ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông T yêu cầu K bồi thường 80.000.000 đồng.

25. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1939 và anh Hoàng Trọng G, sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 72.000.000 đồng.

Theo bà B và anh G khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào nhà máy gạch. Tháng 12/2014 bà B, anh G nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K khất lần không trả. Ngày 29/3/2015 bà B, anh G làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả bà B 2.000.000 đồng. Bà B là đại diện yêu cầu K bồi thường 70.000.000 đồng.

26. Chiếm đoạt của bà Vũ Thị L, sinh năm 1951, trú tại, thị trấn B, huyện V số tiền 80.000.000 đồng.

Từ ngày 23/7/2014 âm lịch đến ngày 23/9/2014 âm lịch, K đã 2 lần vay của bà L tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Theo bà L khai khi vay tiền K nói mục đích để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch; sau khi nhận tiền, viết, ký vào biên nhận thì K gọi ông X vào ký rồi giao cho bà L giữ.

Tháng 12/2014, bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 22/3/2015, bà L làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà L yêu cầu K và ông X bồi thường 80.000.000 đồng.

27. Chiếm đoạt của bà Thân Thị N - sinh năm 1962, trú tại thôn L, xã N, huyện V số tiền 91.350.000 đồng.

Theo bà N khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào nhà máy gạch. Tháng 11/2014, bà N nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 29/3/2015, bà N làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà N yêu cầu K bồi thường 91.350.000 đồng.

28. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Công X, sinh năm 1975 và chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 50.000.000 đồng.

Theo vợ chồng anh X khai khi vay tiền K nói mục đích để góp vốn vào tiếp thị tại nhà máy gạch. Tháng 11/2014, vợ chồng anh X nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 24/01/2015, vợ chồng anh X làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng anh X yêu cầu K và ông X bồi thường 50.000.000 đồng.

29. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973 trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 195.000.000 đồng.

Theo bà M khai khi vay tiền K nói mục đích để góp cổ phần vào nhà máy gạch. Tháng 11/2014, bà M nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần. Ngày 31/01/2015, bà M làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà M yêu cầu K và ông X bồi thường 195.000.000 đồng.

30. Chiếm đoạt của bà Thân Thị D, sinh năm 1964, trú tại thôn C, xã M, huyện V số tiền 44.000.000 đồng.

Theo bà D khai khi vay tiền K nói mục đích để làm ăn. Tháng 12/2014, bà D nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 07/4/2015, bà D làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 6/2016, Thân Văn T đã trả bà D 2.000.000 đồng. Bà D yêu cầu K bồi thường 42.000.000 đồng.

31. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 2.980.000.000 đồng.

Từ ngày 04/10/2014 âm lịch đến ngày 04/12/2014, K đã 13 lần vay của bà H tổng số tiền là 2.980.000.000 đồng. Việc vay tiền chỉ có bà H và K nhưng mỗi lần vay tiền thì K đều giao giấy biên nhận có chữ ký của K và ông X cho bà H giữ. Theo bà H khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào nhà máy gạch, lo xin cho con trai không bị kỷ luật, đầu tư cho anh trai làm công trình.

Bà H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 11/12/2014, bà H làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 13 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H yêu cầu K và ông X bồi thường 2.980.000.000 đồng.

32. Chiếm đoạt ông Vũ Văn T, sinh năm 1974, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 310.000.000 đồng.

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 20/11/2014, K đã 3 lần vay của ông T tổng số tiền là 310.000.000 đồng. Cả 3 lần trên K là người hỏi vay, nhận tiền, giao giấy biên nhận có chữ ký của K và ông X cho ông T giữ. Theo ông T khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư vào công trình do anh trai làm giám đốc, đầu tư cho con trai, đổi sổ ngân hàng.

Tháng 12/2014, ông T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K nhất lần không trả. Ngày 28/3/2015, ông T làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 3 giấy biên nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông T yêu cầu K và ông X bồi thường 310.000.000 đồng.

33. Chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1974, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 160.000.000 đồng.

Từ ngày 15/10/2014 đến ngày 20/11/2014, K đã 3 lần vay của bà Đ tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Việc vay tiền chỉ có bà Đ và K nhưng mỗi lần vay tiền thì K đều giao giấy biên nhận có chữ ký của K và ông X cho bà Đ giữ. Theo bà Đ khai khi vay tiền K nói mục đích để cho người khác vay lại để đổi sổ ngân hàng.

Tháng 12/2014, bà Đ nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 29/01/2015, bà Đ làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 3 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đ yêu cầu K và ông X bồi thường 160.000.000 đồng.

34. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần Đình D, sinh năm 1972 và bà Thân Thị M, sinh năm 1975, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 235.000.000 đồng.

Từ ngày 30/8/2014 đến ngày 28/10/2014, K đã 2 lần vay của vợ chồng ông D tổng số 300.000.000 đồng. Cả 2 lần trên thì K là người hỏi vay, nhận tiền, viết,

ký vào giấy biên nhận. Theo vợ chồng ông D khai khi vay tiền K không nói để sử dụng vào việc gì.

Tháng 11/2014, vợ chồng ông D nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 24/8/2015, vợ chồng ông D làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 2 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông D yêu cầu K bồi thường 235.000.000 đồng.

35. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Phạm Thanh S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, trú tại thị trấn B, huyện V số tiền 230.000.000 đồng.

Theo vợ chồng ông S khai khi vay tiền K nói mục đích để đầu tư công trình dựng của anh trai.

Tháng 12/2014, vợ chồng ông S nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 30/3/2015, vợ chồng ông S làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông S yêu cầu K và ông X bồi thường 230.000.000 đồng.

36. Chiếm đoạt của ông Thân Chí M, sinh năm 1971, trú tại thôn B, xã M, huyện V số tiền 100.000.000 đồng.

Theo ông M khai khi vay tiền K nói mục đích để góp cổ phần vào nhà máy gạch.

Tháng 11/2014, ông M nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 20/8/2015, ông làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ông M yêu cầu K bồi thường 100.000.000 đồng.

37. Chiếm đoạt của ông Đặng Văn C, sinh năm 1954, trú tại thôn L, xã N, huyện V số tiền 100.000.000 đồng.

Theo ông C khai khi vay tiền K nói mục đích để đóng cổ phần vào nhà máy gạch.

Tháng 11/2014, ông C nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng K không trả. Ngày 28/3/2015, ông C làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 1 bản phô tô giấy biên nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Thân Thị T là vợ ông C đại diện, yêu cầu K và ông X bồi thường 100.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ được 171 bản gốc giấy biên nhận vay tiền và 01 bản phô tô giấy biên nhận vay tiền. Nguyễn Thị K khai nhận chữ ký, chữ viết trên các giấy vay tiền này đều do K viết ra và đưa cho người cho vay giữ. Thân Văn X thừa nhận các chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận là do X viết ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên mục “Người vay” trên 171 bản gốc giấy biên nhận vay tiền.

Kết luận giám định số 731 ngày 06/7/2015; số 116 ngày 21/01/2016 và số 347 ngày 04/4/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết “K - Nguyễn Thị K” dưới mục “Người vay ký tên-vợ” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết “X - Thân Văn X” dưới mục “Người vay ký tên-chồng” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Thân Văn X trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị K khai do trước đó K vay tiền một số người để kinh doanh xe tải, xe máy xúc, mua bán gạch nhưng bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ. Nhưng K vẫn tiếp tục vay tiền của người khác với lãi suất cao để lấy tiền trả cho người cho vay trước đó dẫn đến số tiền vay ngày càng lớn. Đến khoảng tháng 11/2014, do không vay được ai nữa nên không có tiền trả cho người đã cho vay.

Những người bị hại là Thân Văn Q, Thân Văn T, Nhâm Thị T, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Hồng N, Thân Trọng B, Thân Thị H, Dương Văn T, Thân Thị L, Nguyễn Văn K, Trần Văn T, Thân Ngọc T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Trần Viết N, Đỗ Văn H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị B, Vũ Thị L, Thân Thị N, Nguyễn Công X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H, Vũ Văn T, Hoàng Thị Đ, Phạm Thanh S, Thân Chí M, Đặng Văn C khai khi vay tiền thì Nguyễn Thị K nói lý do vay là để góp cổ phần vào Nhà máy gạch, mua bán gạch, đầu tư vào công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư, đáo hạn ngân hàng, cho người khác vay lại hưởng chênh lệch, đầu tư cho con trai là Thân Văn T làm ăn tại Trại giam N. Do tin tưởng nên mới cho vay.

Cơ quan điều tra đã cho những người bị hại đối chất với K nhưng các bên giữ nguyên lời khai.

Cơ quan điều tra xác minh tại Công ty cổ phần gạch B, Chi nhánh Công ty cổ phần T, Công ty cổ phần N, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang, Trại giam N. Kết quả xác định Nguyễn Thị K và Thân Văn X không góp vốn, cổ phần, mua bán gạch, khai thác đất, đầu tư gì; Thân Văn T không đầu tư làm ăn gì tại Trại giam, không có vi phạm kỷ luật gì.

Kết quả điều tra cũng xác định từ năm 2000 đến 2006, K mua 06 chiếc xe ô tô tải và 01 xe máy xúc trị giá 1.765.000.000 đồng và góp 400.000.000 đồng cùng anh Vũ Văn L, trú tại thị trấn B, huyện V mua 01 xe máy xúc để kinh doanh. Do thua lỗ nên đến 2008, K đã bán 4 xe ô tô và 01 xe máy xúc được khoảng hơn 300.000.000 đồng; năm 2011 bán 1 xe ô tô được hơn 100.000.000

đồng; năm 2014 bán 1 xe máy xúc và 01 xe ô tô tải được khoảng 400.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị K khai còn vay tiền của Nguyễn Thị D, Thân Thị H, Thân Văn K, Thân Thị B, Nguyễn Thị L, Giáp Thị N, Thân Văn T, Thân Văn T, Hoàng Thị Y, Đinh Thị M, Nguyễn Thị L, Thân Thị Q, Hoàng Văn M, Thân Văn C, Đinh Thị T, Hoàng Thị Q, Giáp Thị N, Nguyễn Thị P, Lý Thị H, Lý Văn C đều ở xã M, huyện V. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai nhưng những người trên không đề nghị giải quyết, không giao nộp tài liệu liên quan nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam: 24/02/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 23, 24, 25 tháng 10 năm 2018, 34 bị hại kháng cáo, trong đó có:

15 bị hại (gồm ông Thân Văn Q, bà Vũ Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T, ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Thị L, bà Hoàng Thị Đ, ông Trần Đình D, ông Phạm Thanh S, bà Hoàng Thị L, ông Trần Viết N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H) kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng, kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, bỏ lọt tội phạm, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

19 bị hại (gồm ông Thân Văn T, bà Thân Thị X, ông Thân Trọng B, ông Thân Ngọc T, ông Hoàng Văn T, bà Đỗ Thị Đ, bà Nguyễn Thị B, bà Thân Thị D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Văn H, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn T, ông Đặng Văn C, bà Thân Thị N, bà Thân Thị L, ông Nguyễn Văn K, Anh Thân Chí M) kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 19 năm tù là nhẹ, đề nghị tăng hình phạt; Yêu cầu xử lý ông X (chồng bị cáo K) theo đúng quy định của pháp luật; Yêu cầu xử lý ông Thân Văn T (con của bị cáo K) trong việc bao che tội phạm, tẩu tán tài sản do lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo cho rằng mình không lừa đảo ai, bị cáo thừa nhận có vay tiền của nhiều người, vay của người trước trả cho người sau đến nay không có khả năng trả nợ được. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Các bị hại và người bảo vệ quyền lợi cho ông Thân Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng các bị hại đều là họ hàng, bà con với ông Thân Văn X; ông Thân Văn X là chồng bị cáo K cùng sinh sống với nhau, ông X là Công an nghỉ hưu, rất hiểu biết pháp luật, ông X nhiều lần cùng bị cáo K đến nhà động viên mọi người tin tưởng cho vay tiền, chờ bị cáo K đi nhận tiền và ông X đã ký vào 79 giấy biên nhận vay tiền để mọi người tin tưởng cho vay tiền. Do đó, không thể nói là ông X không biết bị cáo K vay tiền để làm gì nên ông X đồng phạm với bị cáo K, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án. Đối với bị cáo K, lừa đảo số tiền của các bị hại là rất lớn, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 19 năm tù là quá nhẹ, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo K. Đối với anh Thân Văn T (con bị cáo K) đã bao che cho bị cáo K và tẩu tán tài sản do lừa đảo mà có nên đề nghị xem xét trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi phân tích nội dung vụ án cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Xét kháng cáo của những người bị hại thấy rằng: Ông Thân Văn X là chồng của bị cáo Nguyễn Thị K. Lời khai của một số người bị hại trong vụ án thể hiện: Ông X có cùng bị cáo K đi hỏi vay tiền, động viên mọi người tin tưởng cho vay, đưa bị cáo đi vay, đi nhận tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa ông X và những người bị hại, những người bị hại vẫn khẳng định là lời khai của mình là đúng. Cơ quan điều tra đã thu được 171 giấy vay tiền bản gốc, trong đó có 79 Giấy vay tiền có chữ ký của hai vợ chồng Nguyễn Thị K và ông Thân Văn X dưới mục “Người vay”. Tổng số tiền vay trong 79 giấy vay tiền có chữ ký của ông X là 10.519.134.700 đồng. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang xác định chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận vay tiền là của ông Thân Văn X. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung và xem xét trách nhiệm hình sự của ông Thân Văn X, nhưng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang cho rằng không đủ căn cứ xử lý ông Thân Văn X. Xét hành vi của ông Thân Văn X có dấu hiệu đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thị K thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không điều tra, xử lý hành vi của ông X là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội. Kháng cáo của những người bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là có căn cứ. Đối với anh Thân Văn T: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chưa đủ căn cứ xác định anh T có hành vi che dấu tội phạm, tẩu tán tài sản như nội dung kháng cáo (Về nội dung này, những người bị hại có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra làm rõ trong quá trình điều tra lại vụ án). Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 355, 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của những người bị hại hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ hành vi đồng phạm của ông Thân Văn X để xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo vay tiền của người sau trả cho người trước, đến nay không có khả năng trả nợ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Thân Văn X trình bày: Ông là cán bộ Công an về nghỉ hưu. Ông không biết bà K vay tiền để làm, ông không nhận tiền vay của mọi người và không đưa bà K đi nhận tiền vay. Ông thừa nhận cùng bà K ký vào 79 giấy vay tiền vào nhiều thời điểm khác nhau, ông ký vào giấy vay tiền vì tin tưởng bà K.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Thân Văn T trình bày: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ và kết luận về các nội dung mà những người bị hại phản ánh đối với anh. Anh vẫn giữ nguyên các lời khai tại Cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại, ý kiến của những người bị hại và ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1]. Do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ, Nguyễn Thị K đã dùng thủ đoạn vay tiền của các bị hại với ý thức chiếm đoạt tiền của họ. Để vay được tiền, K không nói cho mọi người biết khả năng kinh tế tài chính của mình, còn dặn mọi người giữ kín không nói chuyện với ai, hầu hết các bị hại đều khai K nói là đầu tư vào các công trình nhà máy gạch, công trình của anh trai mình, đầu tư cho con trai làm kinh tế để mọi người tin tưởng giao tiền cho K nhưng thực tế K không có các hoạt động đó, rồi để vay được tiền K đưa ra mức lãi suất cao cho dù K không kinh doanh gì để có lợi nhuận trả lãi, do vậy K đã có hành vi gian dối để nhận tiền của người khác và K biết trước là không có tài sản trả nợ cho họ nên K đã có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác. Nguyễn Thị K đã chiếm đoạt của 37 người với tổng số tiền là 17.340.557.700 đồng đến nay không có khả năng thanh toán.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị hại.

[2.1]. Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm là ông Thân Văn X (chồng bị cáo K), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Tại Cơ quan điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị hại khai: Ông Thân Văn X có cùng bị cáo K hỏi vay tiền, động viên mọi người tin tưởng cho vay, chờ bị cáo đi nhận tiền và thực tế ông X có ký vào 79 giấy biên nhận vay tiền để mọi người tin tưởng giao tiền cho bị cáo.

- Tại lời khai của bị cáo Nguyễn Thị K (bút lục 856), bị cáo khai với nội dung: Việc chồng tôi ký vào giấy biên nhận tiền sau khi tôi đã nhận tiền, tôi nhận tiền, viết giấy biên nhận sau đó mới đưa cho chồng ký để làm tin. Việc chồng tôi ký vào các giấy biên nhận vay tiền sau khi tôi không còn khả năng thanh toán, do tôi bảo chồng ký để làm tin...

- Tại Biên bản ghi lời khai ông Thân Văn X khai: Việc tôi ký vào các giấy biên nhận vay tiền là do vợ tôi bảo tôi ký vào để làm tin khi những người cho vay đến nhà tôi và gặp vợ tôi, vợ tôi và những người cho vay trao đổi, thống nhất với nhau như thế nào tôi không biết. Sau đó vợ tôi cầm tờ giấy biên nhận ra gặp tôi nói là người này, người kia có tiền gửi, vợ tôi bảo tôi ký vào để làm tin. Thấy vợ nói vậy thì tôi ký vào giấy biên nhận tiền vợ tôi đưa cho...(bút lục 927). Khoảng đầu năm 2014 vợ tôi bán xe ô tô và máy xúc, tôi biết vợ tôi làm ăn không được, thua lỗ nên bán đi, tôi không biết vợ tôi vay lãi, trả lãi cho đến khoảng tháng 10/2014 (âm lịch) vợ tôi nói thì tôi mới biết. Do vậy, trong khoảng thời gian từ trước lúc vợ tôi bán xe ô tô, máy xúc đến lúc vợ tôi nói với tôi bị vỡ nợ thì tôi vẫn ký vào giấy biên nhận vay tiền khi vợ tôi bảo tôi ký (bút lục 928).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông X có ký vào 79 giấy biên nhận vay với tổng số tiền là 10.519.134.700 đồng. Tại kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang xác định chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận vay tiền là của ông Thân Văn X.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Thân Văn X (chồng của bị cáo K), từng công tác trong ngành Công an, là người có hiểu biết pháp luật, nên việc ông X trực tiếp ký vào 79 giấy biên nhận vay, ở nhiều thời điểm khác nhau với tổng số tiền là 10.519.134.700 đồng để mọi người tin tưởng giao tiền cho bị cáo K, nên không thể nói rằng ông X không biết được mục đích vay tiền của bị cáo. Đặc biệt, ngay cả khi bị cáo K nói bị vỡ nợ thì ông X vẫn ký vào các giấy biên nhận vay tiền để tạo niềm tin cho người bị hại như lời khai của ông X tại BL 928 nêu trên. Do đó, có căn cứ xác định ông Thân Văn X đồng phạm với bị cáo K để nhận được sự tin tưởng của các bị hại mà giao tiền cho bị cáo K rồi chiếm đoạt. Chính vì vậy, quá trình giải quyết vụ án này, trước khi xét xử vụ án, ngày 08/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, với nội dung việc ông X ký vào 79 giấy biên nhận vay với tổng số tiền là 10.519.134.700 đồng có dấu hiệu đồng phạm cần điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Thông qua phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cũng nhận định: Hành vi của của ông Thân Văn X có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị K nên kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp tục xem xét xử lý ông Thân Văn X theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đa số các bị hại vẫn khẳng định cho K vay tiền là do tin tưởng ông X và có chữ ký của ông X trong các giấy vay tiền.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Cấp sơ thẩm không truy tố đối với ông Thân Văn X là bỏ lọt tội phạm, nên kháng cáo của những người bị hại về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Thân Văn X là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo khác.

Như trên đã phân tích, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy Bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thủ tục chung, do bỏ lọt người phạm tội, nên kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo K cũng như các nội dung kháng cáo khác của những người bị hại sẽ được xem xét, giải quyết khi xét xử lại vụ án.

[3]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị hại. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị K cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý lại vụ án.

2. Bị cáo Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua trại);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TACC tại Hà Nội.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phách